

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST
Ngày 28-7-2022
Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngộ.

Ông Dương Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST- DS, ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ trụ sở chính: T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Đức T – Tổ trưởng khách hàng cá nhân – Phòng Khách hàng – Ngân hàng T – Chi nhánh Sóc Trăng; địa chỉ: đường H, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 07/01/2022). (có mặt)

- Bị đơn: Bà Mai Thị Thanh T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2020 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Ngô Đức T trình bày:

Bà Mai Thị Thanh T vay vốn tại Ngân hàng T – Chi nhánh Sóc Trăng, địa chỉ: H, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo hợp đồng tín dụng số HDTD880201700481 ký ngày 28/6/2017 cụ thể như sau: Số tiền vay:

50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); thời hạn vay: 24 tháng; phương thức cho vay: cho vay từng lần; kỳ hạn trả nợ gốc: gốc được chia làm 24 kỳ, 23 kỳ đầu mỗi kỳ trả 2.090.000 đồng cố định vào ngày 10 hàng tháng. Kỳ cuối trả số tiền còn lại vào ngày hợp đồng tín dụng hết hạn; kỳ hạn trả lãi: lãi vay được trả vào ngày 10 cùng với tiền gốc, lãi vay tính trên dư nợ thực tế; ngày trả nợ cuối cùng: 27/6/2019; mục đích sử dụng vốn: sửa chữa nhà ở; lãi suất cho vay: 15,0%/năm, áp dụng trong 03 tháng đầu; phương thức áp dụng lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi: là lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định của ngân hàng. Cụ thể như sau: $L_{Scv} = L_{Stk} 13 \text{ tháng} + \text{Margin}$, L_{Scv} : là lãi suất cho vay áp dụng đối với khách hàng, $L_{Stk} 13 \text{ tháng}$: là lãi suất huy động tiết kiệm thường cao nhất kỳ hạn 13 tháng, lãi trả cuối kỳ của L dành cho khách hàng cá nhân tại thời điểm áp dụng/điều chỉnh lãi suất, Margin: là biên độ lãi suất cho vay đối với khách hàng; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: quyền sử dụng Gian hàng kinh doanh theo hợp đồng thuê Kiot chợ K, Phường A, thành phố S, số 06/HĐ.2016 ngày 01/8/2016 được ký giữa bà Mai Thị Thanh T và Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Mai Thị Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng T và phía Ngân hàng cũng đã đến nơi làm việc đôn đốc, gửi thông báo nợ quá hạn cũng như lập biên bản làm việc nhưng bà T vẫn không thanh toán nợ. Cụ thể bà T đã vi phạm điều 9 tại hợp đồng tín dụng số HDDTD880201700481 ký ngày 28/6/2017, bà T đã không thanh toán nợ đầy đủ từ ngày 11/02/2019, với tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/7/2022 là 18.486.365 đồng (mười tám triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó: gốc: 10.289.974 đồng; lãi trong hạn: 352.603 đồng; lãi quá hạn: 7.724.883 đồng; lãi chậm trả: 118.905 đồng.

Nay Ngân hàng T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xem xét, buộc bà Mai Thị Thanh T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng T với tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/7/2022 là 18.486.365 đồng (mười tám triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó: gốc: 10.289.974 đồng; lãi trong hạn: 352.603 đồng; lãi quá hạn: 7.724.883 đồng; lãi chậm trả: 118.905 đồng.

Trường hợp bà Mai Thị Thanh T không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng T đề nghị Tòa án phát mại tài sản thế chấp của bà Mai Thị Thanh T để trả nợ vay cho ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông T yêu cầu bà T hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 10.289.974 đồng, tiền lãi trong hạn 352.603 đồng; tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/7/2022 là 7.724.883 đồng; lãi chậm trả 118.905 đồng; tổng cộng 18.486.365 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/7/2022 cho đến ngày bà T trả hết nợ cho Ngân hàng. Do tài sản thế chấp là hợp đồng thuê kiot chợ K – Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, hiện nay hợp đồng thuê kiot đã hết hạn thuê và thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng chứ không phải tài sản của bà Mai

Thị Thanh T nên người đại diện hợp pháp nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

- Bị đơn bà Mai Thị Thanh T: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng T vẫn giữ nguyên về yêu cầu khởi kiện về số tiền vay gốc trong hợp đồng và tiền lãi phát sinh, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở chấp nhận vì hiện nay tài sản thế chấp không thuộc quản lý, sử dụng của bà T, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Mai Thị Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Mai Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, ông Ngô Đức T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền vay gốc trong hợp đồng, Ngân hàng T yêu cầu bà T hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 10.289.974 đồng, tiền lãi tính đến ngày 28/7/2022 là 8.196.391 đồng; tổng cộng là 18.486.365 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/7/2022 cho đến ngày bà T trả hết nợ cho Ngân hàng.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án người diện hợp pháp của nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ là hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 28/6/2017 xác định là có việc Ngân hàng T có hợp đồng tín dụng cho bà Mai Thị Thanh T vay số tiền 50.000.000 đồng được thể hiện qua giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ giữa ngân hàng với bà T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện Ngân hàng T không cần phải chứng minh.

[2.3] Về yêu cầu trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng của Ngân hàng T:

Vào ngày 28/6/2017, Ngân hàng T có hợp đồng cho bà Mai Thị Thanh T vay hạn mức tín dụng số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay để sửa chữa nhà ở, lãi suất vay 15%/năm.

Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Bà T trực tiếp ký hợp đồng tín dụng ngày 28/6/2017, hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; phù hợp quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 401, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi ký hợp đồng tín dụng ngân hàng đã giải ngân số tiền cho bà T, cho nên có đủ căn cứ xác định hợp đồng tín dụng có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký.

Về mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Xét về lỗi: Bà T thực hiện không đúng nghĩa vụ theo giao kết của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, vì vậy bà T là bên có lỗi và là bên vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bà T chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 10.289.974 đồng, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả tính đến ngày 28/7/2022 là 8.196.391 đồng; tổng cộng là 18.486.365 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày bà Thúy trả hết nợ cho Ngân hàng.

[4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu trường hợp bà Mai Thị Thanh T không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng T đề nghị Tòa án phát mại tài sản thế chấp của bà Mai Thị Thanh T để trả nợ vay cho ngân hàng nhưng tại phiên tòa người đại diện hợp pháp nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp do tài sản thế chấp là hợp đồng thuê kiot chợ K – Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, hiện nay thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng chứ không phải tài sản của bà

Mai Thị Thanh T. Theo hợp đồng thế chấp số 06 ngày 01/8/2016 thì tài sản thế chấp là hợp đồng thuê kiot tại chợ K – Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng hiện nay đã hết hạn thuê và theo biên bản xác minh ngày 07/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C thì Ban quản lý chợ K, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xác nhận hợp đồng thuê của bà T đã hết hạn nhưng bà T không có gia hạn và không có thuê lại kiot. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

[4] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Mai Thị Thanh T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 401, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc yêu cầu bà Mai Thị Thanh T có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng T.

Buộc bà Mai Thị Thanh T có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng T tổng số tiền gốc và lãi 18.486.365 đồng (mười tám triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó vốn gốc 10.289.974 đồng, lãi trong hạn 352.603 đồng, lãi quá hạn 7.724.883 đồng, lãi chậm trả 118.905 đồng.

Kể từ ngày 29/7/2022, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp

trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 924.000 đồng (chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng); Ngân hàng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 351.000 đồng (ba trăm năm mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007003 ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Hướng